

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
(03 THÁNG)

Quý II năm 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Văn phòng HĐND và UBND xã Mỹ Hòa Hưng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý ii năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.076	3.224	29,11	
I	Nguồn ngân sách trong nước	11.076	3.224	29,11	
1	Chi quản lý hành chính	11.076	3.224	29,11	
	011 - Quốc phòng	3.344	1.368	40,92	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	3.344	1.368	40,92	
	041 - An ninh và trật tự an toàn xã hội	1.218	215	17,66	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.218	215	17,66	
	341 - Quản lý nhà nước	5.633	1.355	24,05	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	2.726	741	27,20	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	2.907	613	21,10	
	362 - Hỗ trợ các tổ chức xã hội	881	286	32,42	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	881	286	32,42	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo				
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2	Chỉ sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chỉ quản lý hành chính				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 10 tháng 7 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Võ Minh Hoàng



THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 2 NĂM 2026 CỦA VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÁ MỸ HÒA HƯNG

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Văn phòng HĐND – UBND công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 2 năm 2026 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí:

1. Dự toán thu của Văn phòng HĐND - UBND được giao thực hiện năm 2026: 0 đồng.
2. Dự toán thu phí, lệ phí của Văn phòng HĐND - UBND ước thực hiện đến hết quý 2 năm 2026: 0 đồng.
3. Ước thực hiện quý 2 năm 2026: 0 đồng.

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

1. Tổng dự toán chi nguồn NSNN năm 2026 là 13.773.955.800 đồng (bao gồm dự toán năm trước chuyển sang) bao gồm:
 - Chi quản lý hành chính (Loại 340 Khoản 341): 3.461.664.224 đồng.
 - Chi quản lý hành chính không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 Khoản 341): 3.249.291.576 đồng.
 - Hội (Loại 340 Khoản 362): 1.173.000.000 đồng.
 - Chi An ninh (Loại 040 khoản 041) : 1.383.000.000 đồng.
 - Chi Quốc Phòng (Loại 010 khoản 011) : 4.331.000.000 đồng.
 - Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: 176.000.000 đồng.
2. Giải ngân quý 2 năm 2026 là 3.248.332.157 đồng đạt 23.58 % dự toán năm, bao gồm:
 - Chi quản lý hành chính (Loại 340 Khoản 341): 745.851.307 đồng đạt 21.55%.
 - Chi quản lý hành chính không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 Khoản 341): 613.212.472 đồng đạt 18.89%.
 - Hội (Loại 340 Khoản 362) : 285.680.790 đồng đạt 24.35% .
 - Chi An ninh (Loại 040 khoản 041) : 215.196.000 đồng đạt 15.54%.
 - Chi Quốc Phòng (Loại 010 khoản 011) : 1.388.391.588 đồng đạt 32.05%.
 - Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: 0 đồng.

2. Lũy kế giải ngân quý 2 năm 2026 là 5.946.060.324 đồng đạt 43.17% dự toán năm, bao gồm:

- Chi quản lý hành chính (Loại 340 Khoản 341): 1.481.409.548 đồng đạt 42.79%.

- Chi quản lý hành chính không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340 Khoản 341): 1.131.781.353 đồng đạt 34.84%.

- Hội (Loại 340 Khoản 362) : 577.498.860 đồng đạt 49.19% .

- Chi An ninh (Loại 040 khoản 041) : 379.936.000 đồng đạt 27.4%.

- Chi Quốc Phòng (Loại 010 khoản 011) : 2.375.434.563 đồng đạt 54.84%.

- Tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: 0 đồng.